

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày 19-9-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/8/2019 và ngày 19/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 04/2019/QĐST – DS ngày 20/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Anh Điều Anh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Chị Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Sóc R, xã Tân H, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Thị Mi Ri L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 7, xã M, huyện H, tỉnh Bình P.

- *Người làm chứng:*

Chị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã T, huyện Hn, tỉnh B.

Anh Điều Phi L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Đ, phường H, thị xã B, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt; Bị đơn, người làm chứng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Điều Anh T trình bày :

Do chị H có quen biết với anh Điều Phi L (Là em trai ruột của anh T) nên anh T nhiều lần cho chị H vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 02/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 350.000.000 đồng

Ngày 20/7/2018 cho chị H vay 20.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 20.000.000 đồng

Ngày 31/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 15.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng các lần vay là 405.000.000 đồng.

Đến hạn trả anh T đã nhiều lần đòi chị H nhưng chị H không trả từ đó chị H có viết cho anh T 01 giấy vay tiền đề ngày 14/9/2019 nội dung là chị H có nợ của anh T số tiền là 405.000.000 đồng và hạn thời hạn trả vào ngày 26/9/2018.

Đến hạn theo thỏa thuận, chị H không trả tiền cho anh Thái theo thỏa thuận. Nay anh Thái khởi kiện, yêu cầu chị H trả số tiền gốc là 405.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 13/3/2019, bản tự khai ngày 26/3/2019 bị đơn chị Thị H trình bày:

Chị H quen biết anh T và chị Mi Ri L thông qua anh Điều Phi L. Chị H khẳng định không có vay của vợ chồng anh T số tiền 405.000.000 đồng và không ký hay viết vào giấy vay tiền mà anh T đã nộp cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 22/2/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Thị Mi Ri L trình bày:

Ngày 02/7/2018 anh Thái cho chị H vay với số tiền là 350.000.000 đồng

Ngày 20/7/2018 anh Thái cho chị H vay 20.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 anh Thái cho chị H vay với số tiền là 20.000.000 đồng

Ngày 31/7/2018 anh Thái cho chị H vay với số tiền là 15.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng các lần vay là 405.000.000 đồng.

Do đến hạn trả nhưng chị H không trả nên chị H có viết cho anh T 01 giấy vay tiền đề ngày 14/9/2019 nội dung là chị H có nợ của anh T số tiền là 405.000.000 đồng và hạn thời hạn trả vào ngày 26/9/2018.

Đến hạn theo thỏa thuận, chị H không trả tiền cho anh T theo thỏa thuận. Nay anh chị L yêu cầu chị H trả số tiền gốc là 405.000.000 đồng cho anh T và chị L và không yêu cầu tính lãi suất.

-Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2019 người làm chứng anh Điều Phi L trình bày:

Do chị H cần tiền vay cho chị Thị N (quan hệ họ hàng với chị H) nên có nhờ anh L hỏi vay tiền của anh Thái thì được anh T và chị L cho vay tiền các lần như sau:

Ngày 02/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 350.000.000 đồng

Ngày 20/7/2018 cho chị H vay 20.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 20.000.000 đồng

Ngày 31/7/2018 cho chị H vay với số tiền là 15.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng các lần vay là 405.000.000 đồng.

Sau khi vay do chị H thất hẹn nhiều lần nên ngày 14/9/2018 chị H có viết giấy nhận nợ cho anh T và anh Phi L có chứng kiến sự việc.

-Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2019 người làm chứng chị N trình bày:

Chị N và chị H có quan hệ là bà con. Do cần tiền đáo hạn ngân hàng nên chị N nhờ chị H vay tiền thì chị H đồng ý vì chị H nói có quen anh Phi L là em trai của anh T nên sẽ vay tiền của anh T cho chị N vay lại. Sau đó chị H đã đưa cho chị N số tiền vay là 320.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Điều Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Thị H phải trả cho anh T số tiền nợ gốc là 405.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Anh T cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2018 (BL 05) với nội dung chị Thị H mượn của ông số tiền 405.000.000 đồng và có ký tên.

Chị Thị H không đồng ý trước yêu cầu của anh Điều Anh T vì cho rằng chị H không có mượn tiền của anh T, giấy mượn tiền anh T cung cấp là không đúng sự thật và chữ ký trong giấy mượn tiền cũng không phải chữ ký của chị H, chị Thị H yêu cầu Tòa án giám định chữ ký. Tuy nhiên, chị Thị H không nộp đơn yêu cầu giám định, không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh chị H không có mượn tiền của anh T, chị Thị H cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia các phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngoài ra, tại các Biên bản lấy lời khai của anh Phi L và chị Thị N đều xác định là có biết về sự việc chị Thị H vay tiền của anh Điều Anh T. Anh Phi L trình bày anh là người giới thiệu chị Thị H đến chỗ anh Điều Anh T để vay tiền và trực tiếp chứng kiến anh Th giao tiền cho chị Thị H, còn chị Thị N thì biết là chị Thị H (Là cháu họ hàng của mình) đã vay tiền của anh Điều Anh T để cho chị N vay lại.

Như vậy, anh Điều Anh T đã cung cấp chứng cứ chứng minh việc chị Thị H có vay tiền của anh T. Chị Thị H không thừa nhận nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cũng như không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa xét xử ngày 20/8/2019, Kiểm sát viên đã đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của giấy vay tiền mà ông Thái cung cấp có phải là chữ viết, chữ ký của chị Thị H hay không. HĐXX đã tạm ngừng phiên tòa, ra quyết định giám định nhưng chị Thị H không hợp tác, không cung cấp chữ viết, chữ ký nên Tòa án không tiến hành giám định được. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời khai của người làm chứng, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các quy định tại Điều 70, Điều 91 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều Anh T, buộc bà Thị H phải trả cho ông Điều Anh T số tiền 405.000.000 đồng.

Các vấn đề khác đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Điều Anh T khởi kiện yêu cầu chị Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Chị Thị H có địa chỉ tại xã Tân H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị H, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Thị H nhưng chị H không đến tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị chị Thị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người làm chứng đã có bản ghi lời khai nếu cần thiết tòa án sẽ công bố lời khai người làm chứng.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Tại phiên tòa anh T, chị L trình bày việc anh T có cho chị H vay với số tiền là 405.000.000 đồng đến thời hạn trả chị H không trả tiền như thỏa thuận. Từ đó có đủ căn cứ để xác định anh Điều Anh T khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền gốc theo quy định pháp luật là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hợp đồng vay tài sản các bên có giấy vay tiền, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa anh Điều Anh T, chị Mi Ri L yêu cầu chị H trả số tiền số tiền 405.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất .

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Thi H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Hón Quán đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị H biết. Đồng thời cũng đã xuất trình chứng cứ là giấy vay tiền do nguyên đơn là anh Điều Anh T giao nộp thể hiện chị H có vay của anh T số tiền là 405.000.000 đồng. Sau khi chị H có lời khai không vay tiền và cũng không ký vào giấy vay tiền ngày 14/9/2019. Tòa án đã ban hành thông báo số 08/2019/TB – TA ngày 05/4/2019 (Bút lục số 28) và đã tổng đạt hợp lệ cho chị H nhưng hết thời hạn thông báo chị H cũng không làm các thủ tục giám định như trong yêu cầu của thông báo. Tại phiên tòa ngày 20/8/2019 Hội đồng xét xử tiếp tục tạm ngưng phiên tòa và ban hành thông báo số 01 /2019/ TB – TA ngày 20/8/2019 yêu cầu chị H đến lấy mẫu chữ ký, chữ viết để tiến hành giám định theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng chị H không đến tòa theo yêu cầu của thông báo và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua lấy lời khai người làm chứng là anh Điều Phi L và chị Thị Ng cũng thể hiện việc chị H có vay tiền của anh Điều Anh T

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H không đến tòa để giao nộp tài liệu chứng cứ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó chứng cứ mà anh T giao nộp được hội đồng xét xử chấp nhận nên yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu chị H phải trả số tiền là 405.000.000 đồng là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án cả anh T và chị L đều thừa nhận số tiền 405.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng nên chị H phải có nghĩa vụ trả cho anh T và chị L số tiền 405.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh T và chị L có trình bày chị H có trả cho chị L, anh T số tiền là 90.000.000 đồng trong đó 50.000.000 đồng tiền vay mua lô cao su và 40.000.000 đồng là tiền lãi. Do chị H không đến tòa án trình bày nên hội đồng xét xử không xem xét, chị H có thể yêu cầu khởi kiện một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Đối với tiền tạm ứng chi phí giám định: Tòa án đã làm thủ tục trả cho anh T nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 274, 275, 276, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của anh Điều Anh T tuyên xử:

Chị Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Điều Anh T, chị Thị Mi Ri L số tiền là 405.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Chị Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm đồng).

Anh Điều Anh T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hón Quán hoàn trả cho anh Điều Anh T số tiền 10.100.000 đồng (Mười triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005186 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước.

[4]: Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Hồ Văn Thanh